

Bản án số: 49/2024/HSST

Ngày: 14 - 03 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Nhung;
- Ông Nguyễn Đình Thức.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 244/2024/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. *Nguyễn Tấn Đ;* sinh năm 1983, tại: TP .; Nơi đăng ký NKTT: A5/25 ấp A, xã V, huyện B, TP .; chỗ ở hiện nay: như trên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tấn H, sinh năm 1963 và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963; vợ: R, sinh năm 1984; con: có 02 (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013);

Nhân thân: Ngày 06/10/2005 bị Ủy ban nhân dân Thành phố H ra quyết định về việc chữa trị cai nghiện miễn, giảm phí theo đơn tự nguyện tại Trường G và Giải quyết việc làm số 2, thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 30/3/2011; Ngày 29/12/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 23 tháng. Chấp hành xong ngày 21/9/2018.

Tiền án: Ngày 15/05/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/08/2021.

tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 22/07/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (Cơ sở T30) Công an T4 và có mặt tại phiên tòa.

2. *Lê Văn T;* sinh năm 1974, tại: Nghệ An; Nơi đăng ký NKTT: C B, phường A, quận T, TP .; chỗ ở hiện nay: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp:

không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T1 (chết) và bà: Võ Thị Q1 (chết); vợ: Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1980; con: có 01 người sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 22/07/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (Cơ sở T30) Công an T4 và có mặt tại phiên tòa.

3. *Nguyễn Thị T2*; sinh năm 1992, tại: TP .; Nơi đăng ký NKTT: 39D/217 chung cư H, phường P, quận T, TP .; chỗ ở hiện nay: như trên; nghề nghiệp: nhặt ve chai; trình độ học vấn: 4/12; giới tính: Nữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà: Bùi Thị H2, sinh năm 1968; chồng: Dương Văn H3, sinh năm 1992; con: có 02 người (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016);

Nhân thân: Ngày 21/3/2011 bị Ủy ban nhân dân quận T ra Quyết định về việc đưa người vào cơ sở chữa bệnh, thời gian 24 tháng; Ngày 22/09/2011 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội: “*Cướp giật tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2015; Ngày 15/06/2017 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội: “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 05/03/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 25/07/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (Cơ sở T30) Công an T4 và có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1963; trú tại: A ấp A, xã V, huyện B, TP . (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Trung T3, sinh năm 1978; trú tại: C Lô G, chung cư H, Phường A, Quận E, TP . (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T2, Lê Văn T, Nguyễn Tấn Đ là bạn quen nhau từ trước. Khoảng 17 giờ ngày 21/7/2023, Đ và T đến nhà của T2 số C H, phường P, quận T để chơi. Sau đó, T rủ Đ đi cầm xe gắn máy của T. Sau khi cầm xe gắn máy xong trên đường về thì T và Đ thống nhất mua ma túy để cùng sử dụng tại nhà của T2, lúc này T đưa cho Đ số tiền 500.000 đồng để mua ma túy. Khi quay về nhà của T2 thì T đi vào trong nhà, còn Đ điều khiển xe gắn máy dạng Wave biển số 59V2-690.09 đến khu vực nghĩa trang B, quận B gặp một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) mua 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ quay lại nhà của T2 thì T lấy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ) mang theo, Đ lấy gói nylon ma túy đá vừa mua đổ một ít vào nỏ rồi dùng bật lửa hơi nóng để Đ và T cùng sử dụng ma túy, phần ma túy còn lại Đ cất vào túi quần bên phải đang mặc để cùng sử dụng tiếp, sau khi sử dụng hết ma túy trong nỏ thì Đ mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra ngoài vứt

bỏ (không nhớ nơi đã vứt bộ dụng cụ). Quá trình T và Đ sử dụng ma túy tại nhà C H, phường P, quận T do Thoi quản lý thì T2 nhìn thấy nhưng không ngăn cản và để cho T và Đ sử dụng ma túy, việc Đ, T mua ma túy sử dụng thì không bàn bạc với T2.

Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, Công an phường P, quận T kiểm tra hành chính phát hiện Đ lấy gói ma túy đá cất trong túi quần bên phải đang mặc vứt xuống nền nhà ngay vị trí Đ và T đứng nên bị Công an thu giữ, đưa về trụ sở Công an làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Tấn Đ, Lê Văn T, Nguyễn Thị T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Theo kết luận giám định số 8032/KL-KTHS ngày 31/7/2023 của Phòng K Công an Thành phố T4 kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4776g, loại Methamphetamine (BL 141).

Vật chứng:

- Thu giữ của Nguyễn Tấn Đ:

+ 01 xe gắn máy dạng Wave, màu xanh, biển số 59V2-690.09, số khung: RLHJC761XGZ027894, số máy: JC76E-0043379. Đ sử dụng làm phương tiện mua ma túy, Đ khai nhận mượn xe gắn máy trên của ông Nguyễn Tấn H (bố ruột Đ) để đi công việc. Qua xác minh, xe gắn máy trên do ông Nguyễn Trung T3, thường trú nhà số C Lô G chung cư H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại địa chỉ trên, hiện ông Nguyễn Trung T3 đã bán nhà đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu nên chưa làm việc được. (BL 144-148);

Qua làm việc, ông Nguyễn Tấn H cho biết mua xe gắn máy trên của một người không rõ lai lịch, không làm hợp đồng mua bán và không làm thủ tục sang tên. Ngày 21/7/2023 Đ mượn xe gắn máy để đi công việc và sử dụng xe đi mua ma túy thì bị Công an tạm giữ. (BL 151);

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số IMEI1: 8656520591832, số IMEI2: 865652059791824, Đ sử dụng liên lạc cá nhân (BL 153);

- Thu giữ của Lê Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1610 màu trắng, số IMEI1: 866580036939456, số IMEI2: 866580036939449, T sử dụng liên lạc cá nhân (BL 155).

- Thu giữ của Nguyễn Thị T2:

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21s, màu xanh lam, số IMEI1: 861128058267912, số IMEI2: 861128058267904, T2 sử dụng liên lạc cá nhân;

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10C, màu đen, số IMEI1: 864763060985825/00, số IMEI2: 864763060985833/00, T2 sử dụng liên lạc cá nhân;

+ 01 gói niêm phong số 1594/23 bên ngoài có chữ ký Giám định viên Phan Tấn Q2 và Điều tra viên Lê Nam H4. (BL 154)

Tại bản Cáo trạng số: 18/CT-VKSQ.TP ngày 24 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Tấn Đ về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố bị cáo Nguyễn Thị T2

về tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên Tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP . giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ từ 02 năm đến 03 năm tù.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề cập xử lý vật chứng.

- Các bị cáo Nguyễn Thị T2, Nguyễn Tấn Đ, Lê Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị T2, Lê Văn T, Nguyễn Tấn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 21/7/2023, Nguyễn Thị T2 đã có hành vi chứa chấp cho Lê Văn T, Nguyễn Tấn Đ sử dụng ma túy tại nhà số C H, phường P, quận T do Thoi quản lý. Đối với Nguyễn Tấn Đ, Lê Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,4776g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Vì vậy, Cáo trạng số: 18/CT-VKSQ.TP ngày 24 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Tấn Đ về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố bị cáo Nguyễn Thị T2 về tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến các chính sách, quy định của Nhà nước trong việc quản lý, cất giữ chất ma túy mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ ngày 15/05/2020 bị Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/08/2021, chưa được xóa án tích thì ngày 21/07/2023 lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- Thu giữ của Nguyễn Tấn Đ:

+ Đối với 01 xe gắn máy dạng Wave, màu xanh, biển số 59V2-690.09, số khung: RLHJC761XGZ027894, số máy: JC76E-0043379. Đ sử dụng làm phương tiện mua ma túy, Đ khai nhận mượn xe gắn máy trên của ông Nguyễn Tấn H (bố ruột Đ) để đi công việc. Qua xác minh, xe gắn máy trên do ông Nguyễn Trung T3, thường trú nhà số C Lô G chung cư H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại địa chỉ trên, hiện ông Nguyễn Trung T3 đã bán nhà đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu nên chưa làm việc được. (BL 144-148);

Qua làm việc, ông Nguyễn Tấn H cho biết mua xe gắn máy trên của một người không rõ lai lịch, không làm hợp đồng mua bán và không làm thủ tục sang tên. Ngày 21/7/2023 Đ mượn xe gắn máy để đi công việc và sử dụng xe đi mua ma túy thì bị Công an tạm giữ. (BL 151). Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP . đăng tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn 06 tháng, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số IMEI1: 8656520591832, số IMEI2: 865652059791824, Đ sử dụng liên lạc cá nhân (BL 153). Xét không liên quan đến hành vi phạm tội, nên tuyên trả lại cho bị cáo Đ.

- Thu giữ của Lê Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1610 màu trắng, số IMEI1: 866580036939456, số IMEI2: 866580036939449, T sử dụng liên lạc cá nhân (BL 155). Xét không liên quan đến hành vi phạm tội, nên tuyên trả lại cho bị cáo T.

- Thu giữ của Nguyễn Thị T2:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21s, màu xanh lam, số IMEI1: 861128058267912, số IMEI2: 861128058267904, T2 sử dụng liên lạc cá nhân. Xét không liên quan đến hành vi phạm tội, nên tuyên trả lại cho bị cáo T2.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10C, màu đen, số IMEI1: 864763060985825/00, số IMEI2: 864763060985833/00, T2 sử dụng liên lạc cá nhân. Xét không liên quan đến hành vi phạm tội, nên tuyên trả lại cho bị cáo T2.

+ Đối với 01 gói niêm phong số 1594/23 bên ngoài có chữ ký Giám định viên Phan Tấn Q2 và Điều tra viên Lê Nam H4. Cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[6] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Lê Văn T đều phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Bị cáo Nguyễn Thị T2 phạm tội: "*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*".

[2] Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ.

[2.1] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tấn Đ 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/07/2023.

[3] Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Văn T.

[3.1] Xử phạt: bị cáo Lê Văn T 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 22/07/2023.

[4] Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị T2.

[4.1] Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị T2 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 25/07/2023.

[5] Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong số 1594/23 bên ngoài có chữ ký Giám định viên Phan Tấn Q2 và Điều tra viên Lê Nam H4.

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP . đăng tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn 06 tháng, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 xe gắn máy dạng Wave, màu xanh, biển số 59V2-690.09, số khung: RLHJC761XGZ027894, số máy: JC76E-0043379.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ: 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số IMEI1: 8656520591832, số IMEI2: 865652059791824.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1610 màu trắng, số IMEI1: 866580036939456, số IMEI2: 866580036939449.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T2: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21s, màu xanh lam, số IMEI1: 861128058267912, số IMEI2: 861128058267904; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10C, màu đen, số IMEI1: 864763060985825/00, số IMEI2: 864763060985833/00.

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số 207/PNK ngày 13/12/2023 của Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an quận T.

[6] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Lê Văn T, Nguyễn Thị T2. Mỗi bị cáo phải nộp: 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Lê Văn T, Nguyễn Thị T2 được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Niêm yết Bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS quận Tân Phú;
- Công an Q.Tân Phú;
- CATP. HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành